

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Năng lượng và Bất động sản Trường Thành

Ngày 31/03/2025	6,310 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.5%	-9.9%	-

DT thuần Q1/25
10.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.96 10.0%
YoY: ▲ 1.15 12.3%

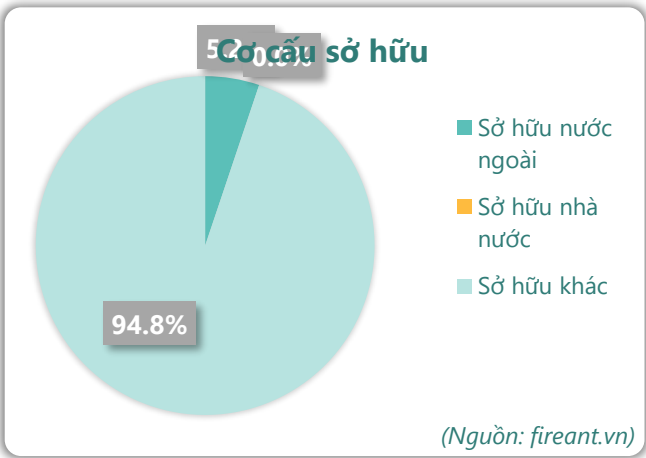
LN thuần Q1/25
1.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼18.1 -94.3%
YoY: ▼2.99 -73.2%

LN sau thuế Q1/25
4.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.67 177%
YoY: ▲ 1.40 50.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
59.2%
YoY: +/-▼ 3.1%

ROE (TTM) Q1/25
0.6%
YoY: +/-▼ 0.0%

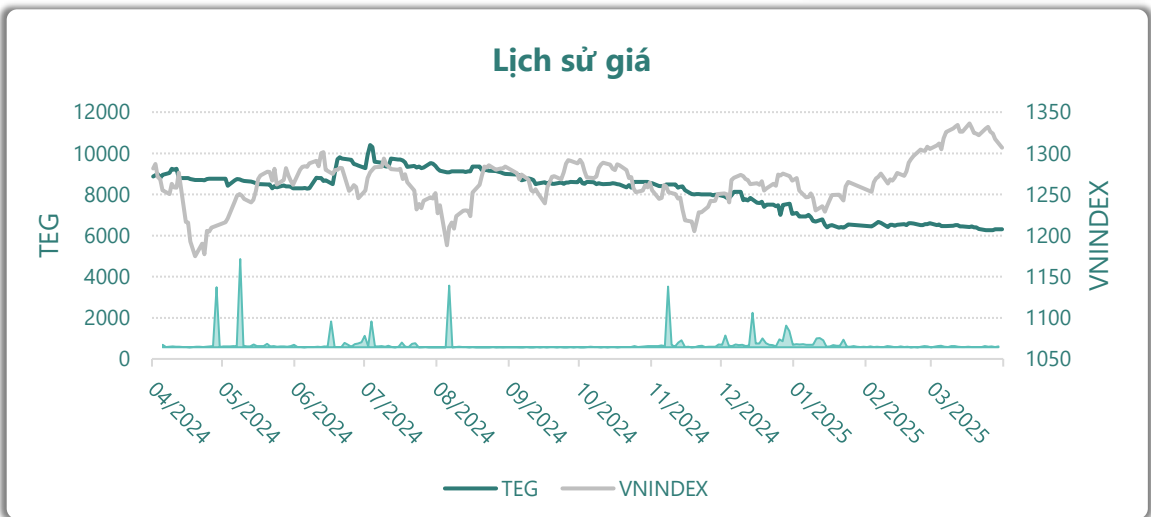
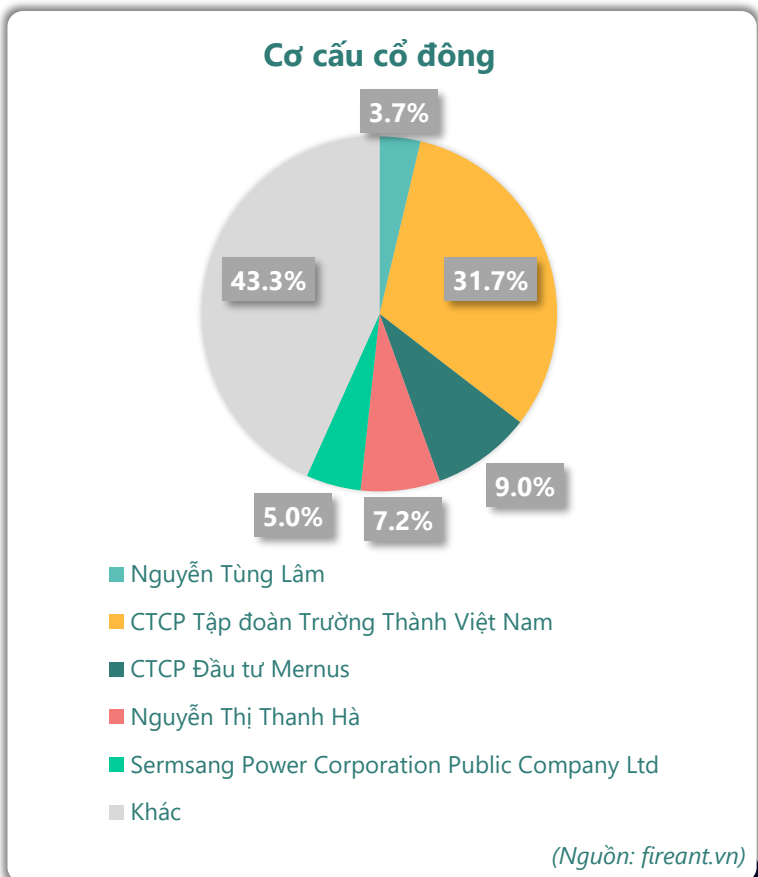
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,260 - 10,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	762
Số lượng CPLH (CP)	120,806,562
KLGD BQ 20 phiên (CP)	302,130
Sở hữu nước ngoài	5.2%
Beta	0.72
EPS	73
P/E	85.9



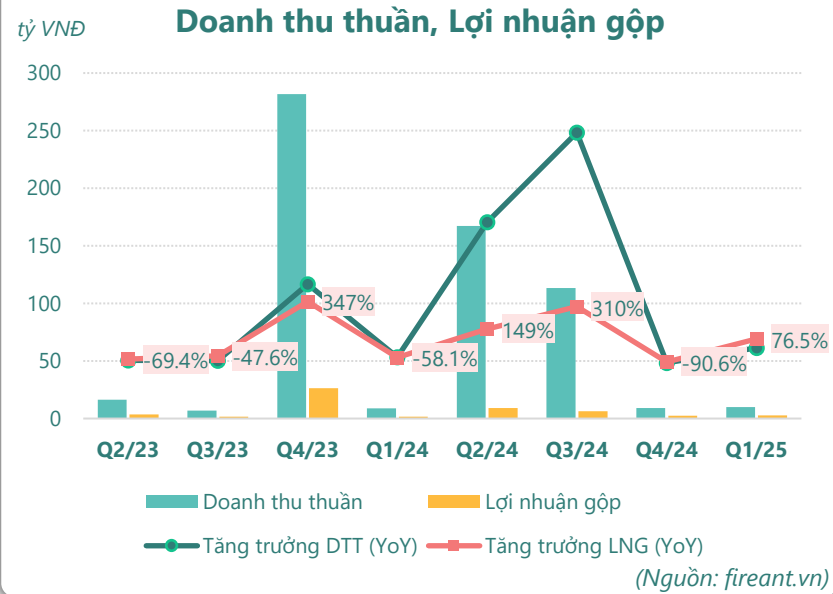
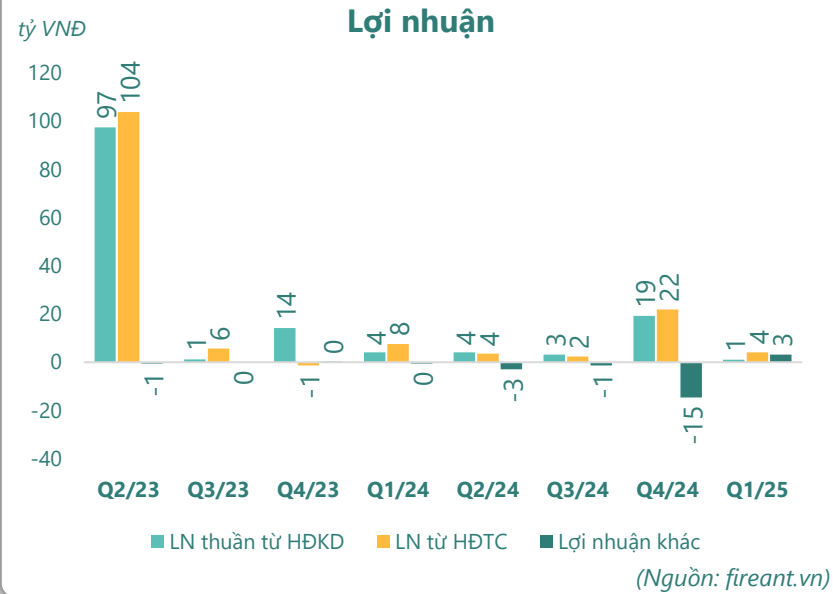
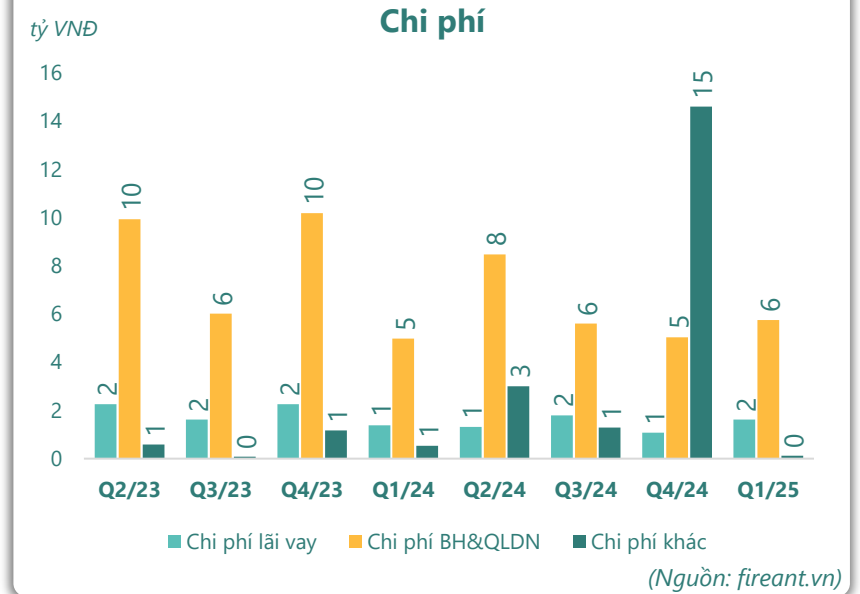
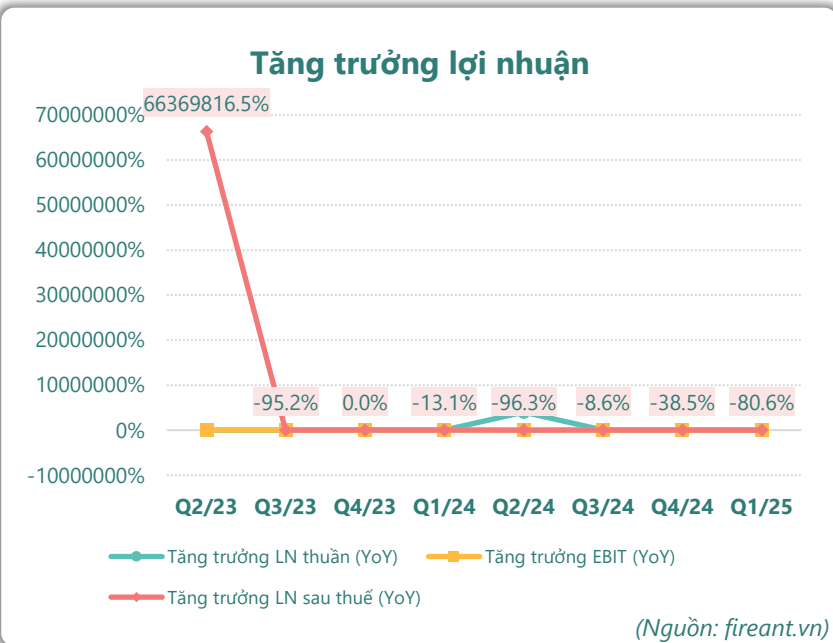
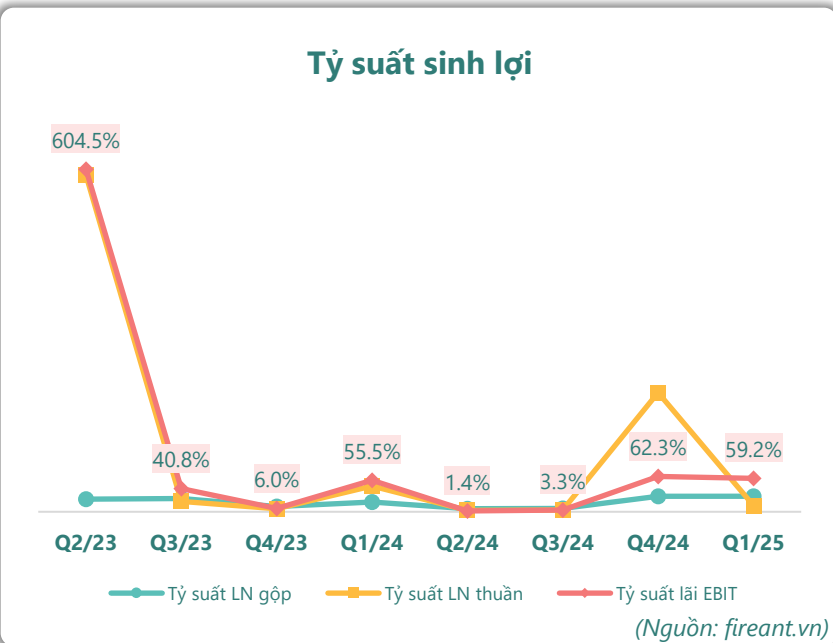
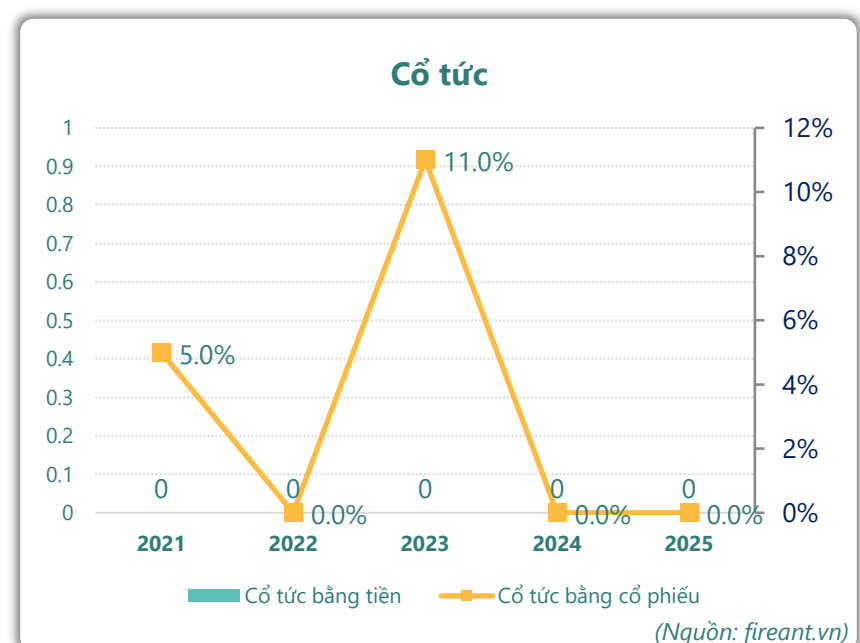
DT thuần 2024
299
tỷ VNĐ
YoY: ▼27.0 -8.2%

LN thuần 2024
26.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼90.1 -77.1%

LN sau thuế 2024
2.67
tỷ VNĐ
YoY: ▼79.0 -96.7%



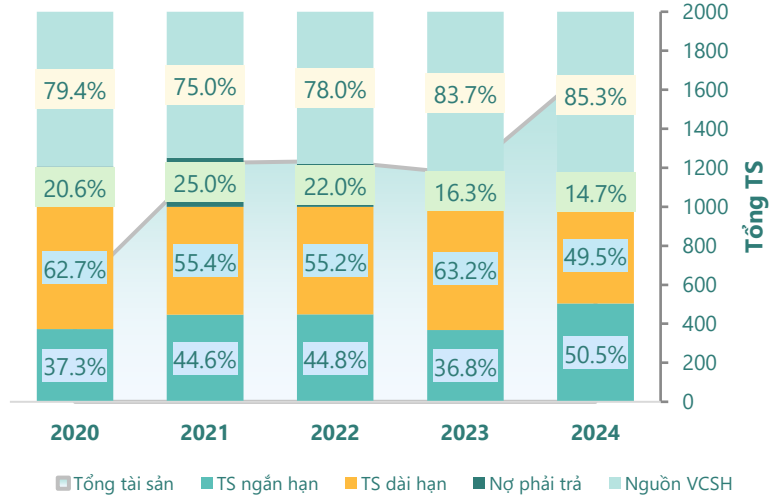
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

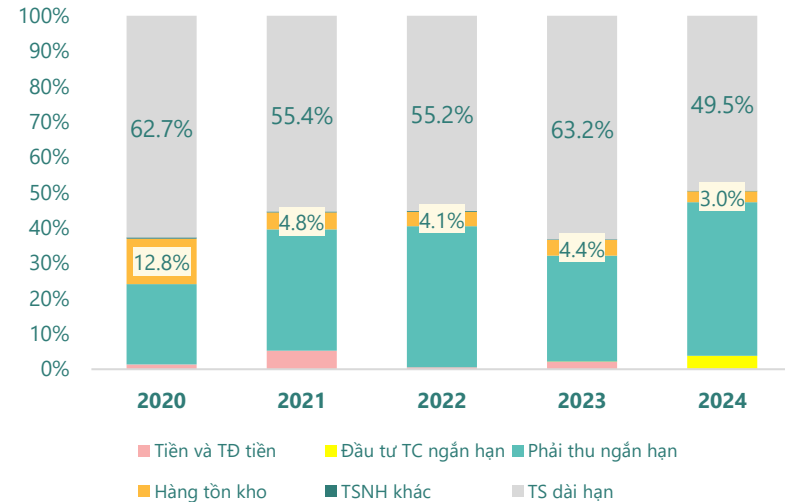
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

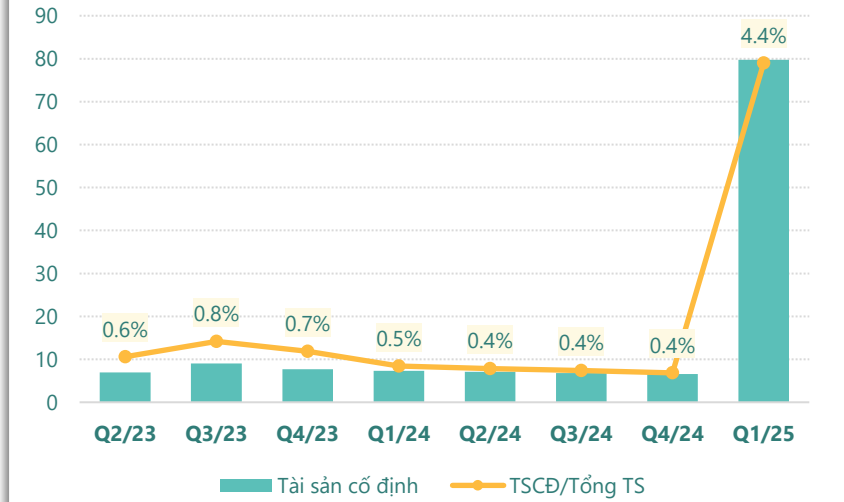
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

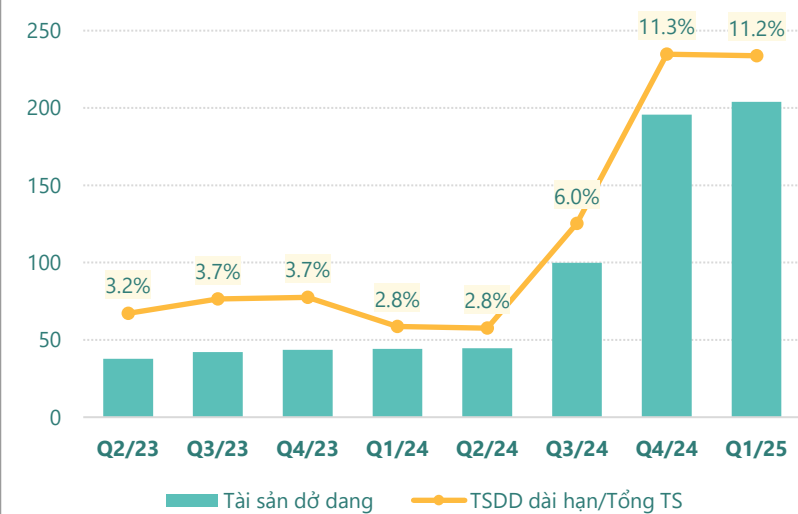
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

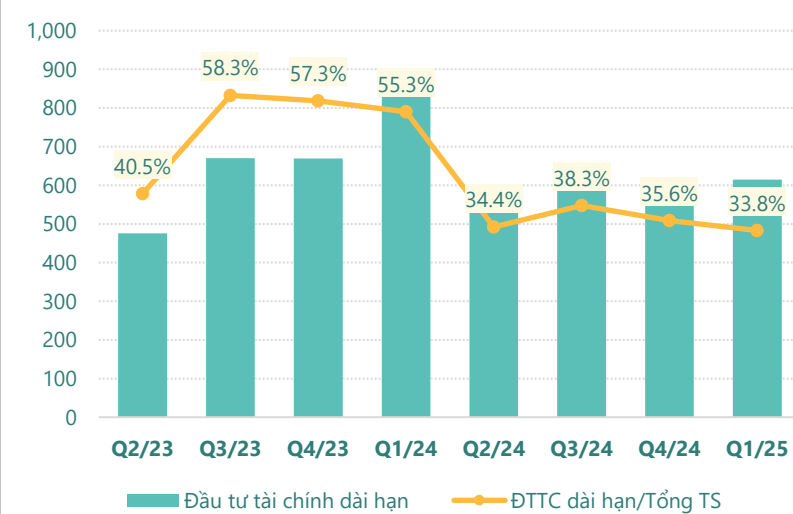
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

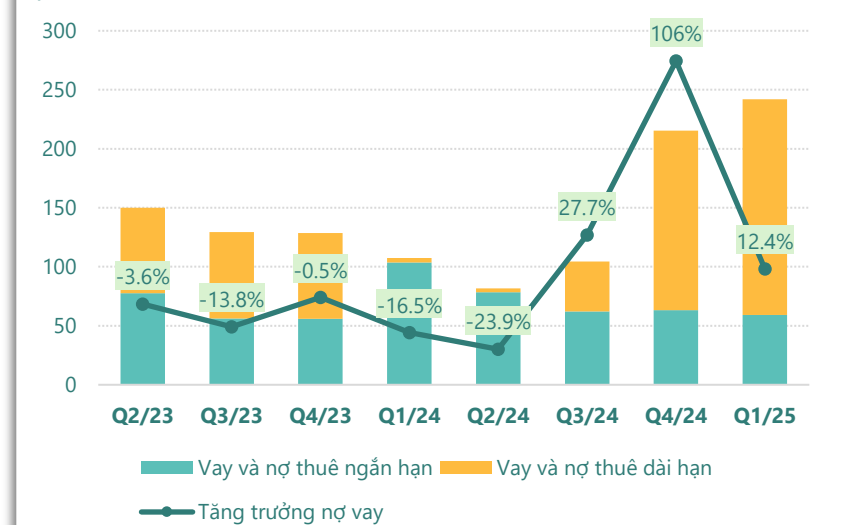
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

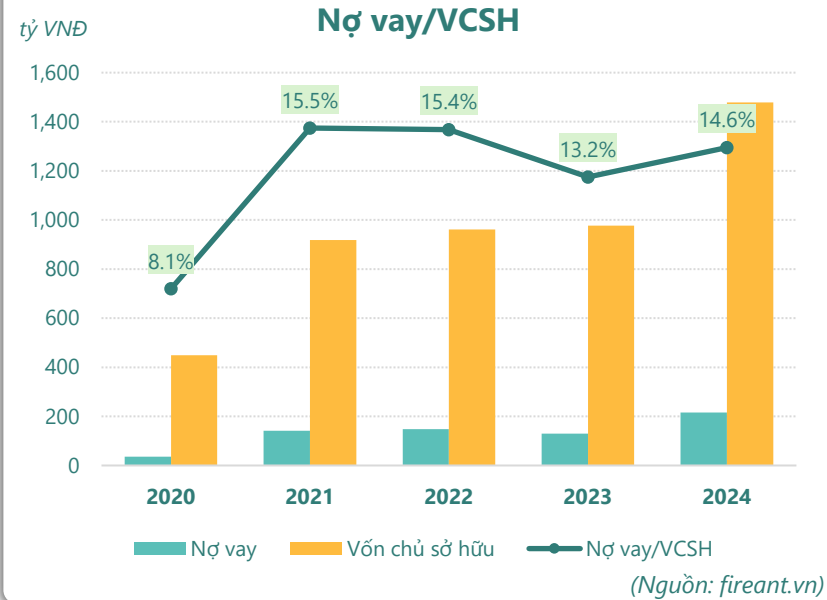
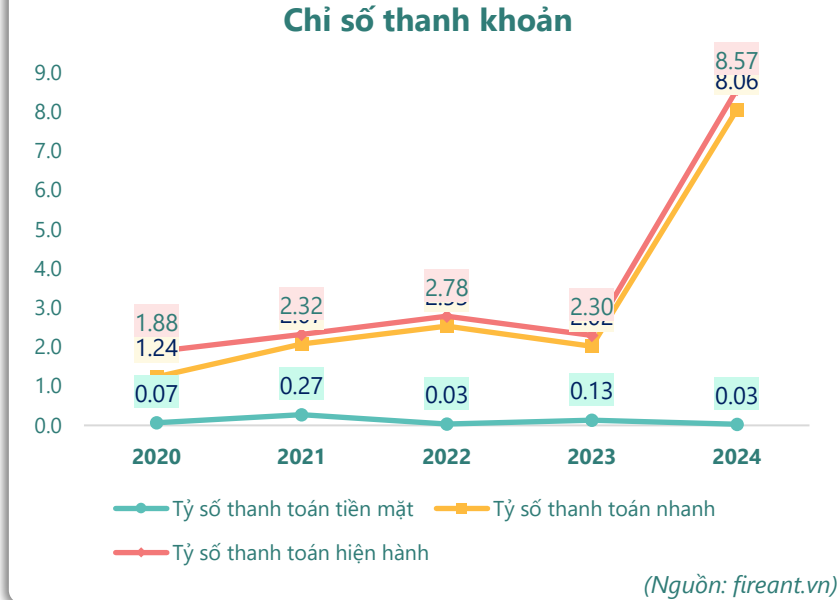
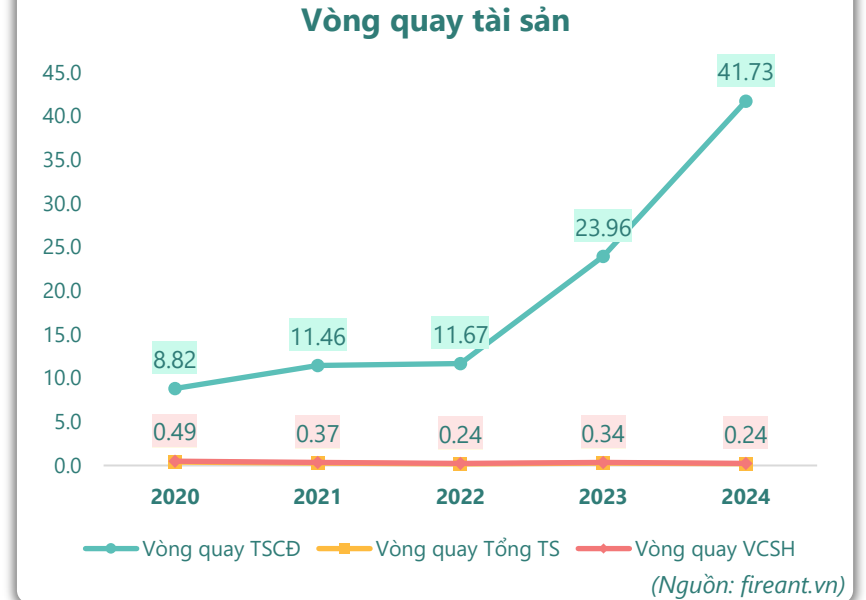
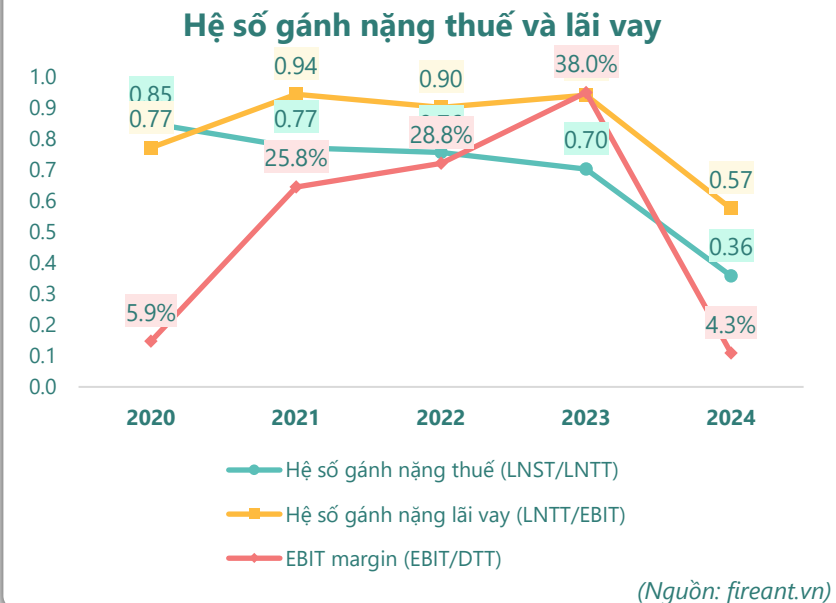
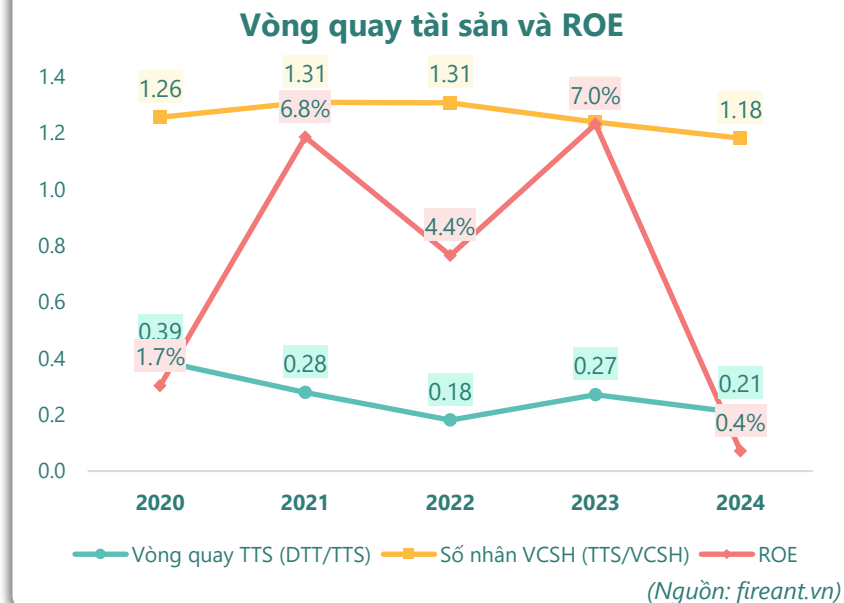
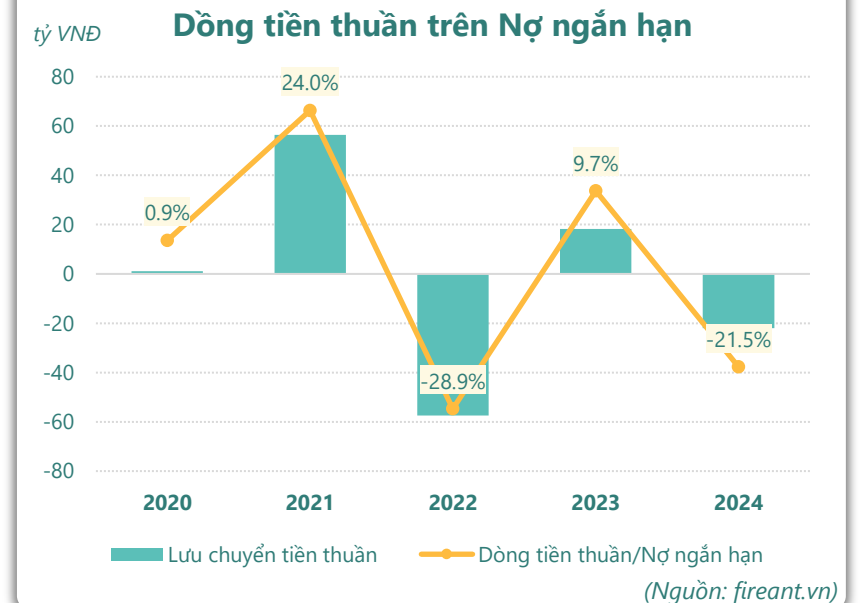
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	10.1	8.95	12.3%	299	326	-8.2%
Giá vốn hàng bán	7.30	7.39	-1.2%	279	290	-3.8%
Lợi nhuận gộp	2.75	1.56	76.4%	19.5	35.3	-44.7%
Doanh thu HĐTC	5.71	8.78	-34.9%	43.4	122	-64.3%
Chi phí TC	1.62	1.28	26.3%	12.0	10.7	12.8%
Chi phí lãi vay	1.62	1.39	16.3%	5.53	7.33	-24.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		-0.08	-0.58	86.2%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.22	-100%
Chi phí QLDN	5.75	4.99	15.3%	24.0	28.4	-15.5%
LN thuần từ HĐKD	1.09	4.08	-73.2%	26.9	117	-77.1%
Lợi nhuận khác	3.24	-0.50	749%	-19.4	-0.80	-2329%
LN trước thuế	4.34	3.58	21.2%	7.47	116	-93.6%
Lợi nhuận sau thuế	4.18	2.78	50.4%	2.67	81.7	-96.7%
LNST của CĐ cty mẹ	3.53	2.68	31.7%	4.96	68.2	-92.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.9	-185	190	101	-67.3	544
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.4	-294	-144	-144	-44.0	-568
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.71	458	-27.5	22.6	111	24.8
Tiền đầu kỳ	26.1	24.9	4.27	23.3	3.23	2.94
Lưu chuyển tiền thuần	-1.21	-20.6	19.0	-20.1	-0.29	0.61
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.9	4.27	23.3	3.23	2.94	3.56

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,817	1,733	4.8%
Tài sản ngắn hạn	879	875	0.4%
Tiền và tương đương tiền	3.56	2.94	20.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	64.1	62.7	2.3%
Phải thu ngắn hạn	750	754	-0.5%
Hàng tồn kho	52.7	52.7	0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	8.53	3.19	168%
Tài sản dài hạn	939	858	9.4%
Phải thu dài hạn	30.4	30.0	1.3%
Tài sản cố định	79.8	6.60	1108%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	204	196	4.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	614	614	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.40	1.60	-12.7%
Lợi thế thương mại	8.78	9.61	-8.6%
Nợ phải trả	305	255	19.6%
Nợ ngắn hạn	121	102	19.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	59.3	63.4	-6.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.1	8.03	275%
Nợ dài hạn	184	153	20.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	183	152	20.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,512	1,478	2.3%
Vốn chủ sở hữu	1,512	1,478	2.3%
Vốn điều lệ	1,208	1,208	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

